TÍN DỤNG SỐ 4711-VN

HIỆP ĐỊNH TÀI TRỢ

(Hỗ trợ Chính sách Phát triển Cải cách Ngành Điện lần thứ nhất)

Giữa

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

và

HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ

Ngày 25 tháng 5 năm 2010

HIỆP ĐỊNH TÀI TRỢ

Hiệp định đề ngày 25/5/2010 được ký giữa CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM ("Bên tiếp nhận ") và HIỆP HỘI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ ("Hiệp hội") với mục đích cung cấp khoản tài trợ hỗ trợ Chương trình (như định nghĩa trong Phụ đính của Hiệp định này). Hiệp hội đã quyết định cung cấp khoản tài trợ này trên cơ sở, ngoài các cơ sở khác: (a) các hành động đã được Bên tiếp nhận thực hiện trong Chương trình và được mô tả tại Phần I, Phụ lục 1 của Hiệp định này; và (b) Bên tiếp nhận duy trì một khuôn khổ chính sách kinh tế vĩ mô thích hợp. Bên tiếp nhận và Hiệp hội theo đây thống nhất như sau:

ĐIỀU I - VĂN BẢN CÁC ĐIỀU KIỆN CHUNG; CÁC ĐỊNH NGHĨA

1.01. Văn bản các điều kiện chung (như được định nghĩa trong Phụ đính của Hiệp định này) là một phần không thể tách rời của Hiệp định này.

1.02. Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu khác, các thuật ngữ viết hoa sử dụng trong Hiệp định này có nghĩa tương ứng như đã được định nghĩa trong Văn bản các điều kiện chung hoặc trong Phụ đính của Hiệp định này

ĐIỀU II – KHOẢN TÀI TRỢ

2.01. Hiệp hội đồng ý cung cấp Bên tiếp nhận theo các điều khoản và điều kiện được qui định trong hoặc được tham chiếu đến trong Hiệp định này, số tiền tương đương bảy mươi ba triệu Quyền Rút Vốn Đặc biệt (73.000.000 SDR) (được gọi hoặc là "Khoản Tín dụng" hoặc "Khoản tài trợ").

2.02. Bên tiếp nhận có thể rút tiền của Khoản tài trợ để hỗ trợ Chương trình theo các điều khoản trong Mục II, Phụ lục 1 của Hiệp định này.

2.03. Phí cam kết tối đa mà Bên tiếp nhận sẽ phải trả trên số dư của Khoản tài trợ sẽ bằng một phần hai của một phần trăm hàng năm.

2.04. Bên tiếp nhận trả phí dịch vụ theo số dư Khoản tài trợ chưa rút bằng ba phần tư của một phần trăm (3/4 của 1%) hàng năm.

2.05. Lãi suất Bên tiếp nhận sẽ phải trả trên số dư của Khoản tài trợ đã rút sẽ bằng 3,52%/năm. Lãi được tính theo luỹ kế từ ngày tương ứng mà số tiền tài trợ đã rút và sẽ được hoàn trả định kỳ theo bán niên. Lãi được tính một năm với 360 ngày và 12 tháng mỗi tháng 30 ngày.

2.06. Ngày thanh toán là ngày 15/2 và 15/8 hàng năm.

2.07. Số tiền gốc của Khoản tài trợ sẽ được hoàn trả theo lịch trả nợ quy định tại Phụ lục 2 của Hiệp định này.

2.08. Đồng tiền thanh toán là USD.

ĐIỀU III - CHƯƠNG TRÌNH

3.01. Bên tiếp nhận tuyên bố cam kết của mình đối với Chương trình và việc thực hiện Chương trình. Để thực hiện mục đích này:

(a) Bên tiếp nhận và Hiệp hội, tại từng thời điểm và theo yêu cầu của bên kia, trao đổi quan điểm về khuôn khổ chính sách kinh tế vĩ mô của Bên tiếp nhận và tiến độ đạt được trong việc thực hiện Chương trình;

(b) trước khi tiến hành từng đợt trao đổi nào như vậy, Bên tiếp nhận sẽ gửi cho Hiệp hội để xem xét và cho ý kiến một báo cáo tiến độ đạt được trong việc thực hiện Chương trình với mức độ chi tiết theo yêu cầu hợp lý của Hiệp hội; và

(c) không chỉ giới hạn bởi các quy định của đoạn (a) và đoạn (b) của Mục này, Bên tiếp nhận sẽ thông báo ngay cho Hiệp hội bất kỳ tình trạng nào mà có thể có ảnh hưởng bất lợi nghiêm trọng đến các mục tiêu của Chương trình hay bất kỳ hành động nào được thực hiện trong Chương trình bao gồm cả các hành động được quy định trong Mục I, Phụ lục 1 của Hiệp định này.

ĐIỀU IV - BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC CỦA HIỆP HỘI

4.01. Sự kiện Đình chỉ Bổ sung bao gồm tình huống phát sinh làm cho Chương trình, hoặc một phần đáng kể của Chương trình, không thể thực hiện được.

ĐIỀU V – HIỆU LỰC; CHẤM DỨT

5.01. Điều kiện Hiệu lực Bổ sung như sau: (a) Hiệp hội thoả mãn với tiến độ đạt được của Bên tiếp nhận trong việc thực hiện Chương trình và với khuôn khổ chính sách kinh tế vĩ mô của Bên tiếp nhận là đầy đủ; và (b) Hiệp định vay được ký kết và triển khai thực hiện và tất cả các điều kiện kiện hiệu lực hoặc điều kiện để Bên tiếp nhận rút vốn kèm theo đó (ngoại trừ điều kiện hiệu lực của Hiệp định) được hoàn thành đầy đủ.

5.02. Thời hạn Hiệu lực là chín mươi (90) ngày kể từ ngày ký Hiệp định này.

ĐIỀU VI - ĐẠI DIỆN; ĐỊA CHỈ

6.01. Đại diện của Bên tiếp nhận là Thống đốc, hoặc một Phó Thống đốc của Ngân hàng Nhà nước Việt nam.

6.02. Địa chỉ của Bên tiếp nhận là:

Hiệp hội Nhà nước Việt nam
49 Lý Thái Tổ
Hà Nội
Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam

Cable address:	Telex:	Facsimile:
VIETBANK	412248	(84-4) 3825 0612
Hanoi	NHTWVT	

6.03 Địa chỉ của Hiệp hội:

Hiệp hội Phát triển Quốc tế
1818 H Street, N.W.
Washington, D.C. 20433
Hợp chủng Quốc Hoa kỳ

Cable address:	Telex:	Facsimile:
INTBAFRAD Washington, D.C.	248423(MCI) or 64145(MCI)	1-202-477-6391

THỐNG NHẤT tại Hà Nội, Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, vào ngày, tháng, năm như được ghi ở phần đầu Hiệp định.

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Đại diện được ủy quyền

HIỆP HỘI TÁI PHÁT TRIỂN QUỐC TẾ

Đại diện được ủy quyền

PHỤ LỤC 1

Các hành động trong Chương trình; Số tiền vay

Mục I. <u>Các hành động Bên tiếp nhận sẽ thực hiện trong Chương trình bao gồm:</u>

<u>Phát triển thị trường điện</u>

1. Bên tiếp nhận đã, thông qua Bộ Công Thương, ban hành Quyết định (số 6173/QĐ-BCT ngày 31/12/2009) thiết lập các nguyên tắc cơ bản về thiết kế để thực hiện Thị trường phát điện cạnh tranh (VCGM).
2. Bên tiếp nhận đã, thông qua Bộ Công Thương, ban hành Thông tư (số 27/2009/TB-BCT ngày 25/9/2009) quy định các tiêu chuẩn đo đếm và quy trình thủ tục để các nhà máy điện tham gia thị trường phát điện cạnh tranh.

<u>Cơ cấu lại ngành điện</u>

3. Bên tiếp nhận đã, thông qua Văn phòng Chính phủ, ban hành Thông báo (số 232/TT-VPCP ngày 31/7/2009) về cơ cấu ngành điện để cho phép thành lập Thị trường phát điện cạnh tranh.

<u>Cải cách khung giá điện</u>

4. Bên tiếp nhận đã, thông qua Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quyết định (số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12/02/2009): (a) tăng giá bán điện trung bình trong năm 2009 là 948VNĐ/Kwh; và (b) minh bạch hoá việc thiết lập giá điện hàng năm trong giai đoạn 2010 đến 2012 theo nguyên tắc đảm bảo bù đắp được các chi phí trong các khâu phát điện, truyền tải, phân phối điện và các dịch vụ đi kèm và giao Bộ Công thương quyền quyết định thay đổi khung giá điện dưới 5%.
5. Bên tiếp nhận đã, thông qua Thủ tướng Chính phủ, ban hành Quyết định (số 21/2009/QĐ-TTg ngày 12/02/2009) cơ cấu lại hệ thống tính giá điện cho người cư trú theo hạn mức sử dụng theo nguyên tắc trợ cấp cho khách hàng với tỷ lệ phần trăm chi phí sản xuất và duy trì cơ chế trợ cấp và cấu trúc giá điện dân cư đối với các Đơn vị phân phối điện địa phương.

<u>Nâng cao hiệu quả tiêu thụ năng lượng</u>

6. Bên tiếp nhận đã, thông qua Bộ Khoa học và Công nghệ, ban hành Quyết định (số 2740/QĐ-BKHCN ngày 9/02/2008 và 632/QĐ-BKHCN ngày 20/4/2009) về tiêu chuẩn tiết kiệm năng lượng đối với hàng hoá tiêu dùng tiêu thụ điện năng với khối lượng lớn.
7. Bên tiếp nhận đã, thông qua Bộ Công Thương, ban hành Thông tư (số 05/2009/TT-BCT ngày 26/2/2009) áp dụng giá điện tính theo thời điểm sử dụng đối với các đối tượng khách hàng kinh doanh, thuỷ lợi và công nghiệp.

Mục II. **Số tiền tài trợ**

A. **Điều kiện chung:** Bên tiếp nhận có thể rút tiền của Khoản tài trợ phù hợp với các điều khoản trong Mục này và các hướng dẫn bổ sung mà Hiệp hội có thể qui định rõ bằng cách thông báo cho Bên tiếp nhận .

B. **Phân bổ số tiền của Khoản tài trợ:** Khoản tài trợ được phân chia thành một đợt giải ngân duy nhất, mà theo đó Bên tiếp nhận có thể thực hiện rút tiền của Khoản tài trợ. Việc phân bổ số tiền Khoản tài trợ được thể hiện trong bảng sau:

Phân bổ	Số tiền của Khoản tài trợ được phân bổ (tính bằng SDR)
Giải ngân Một đợt	73.000.000
TỔNG SỐ	73.000.000

C. **Các điều kiện của Đợt giải ngân**

Việc rút vốn sẽ không được thực hiện theo hình thức Giải ngân Một đợt trừ khi Hiệp hội thoả mãn: (a) với Chương trình đang được Bên tiếp nhận thực hiện, và (b) tính phù hợp của khuôn khổ chính sách kinh tế vĩ mô của Bên tiếp nhận .

D. **Khoản tài trợ** Trừ khi Hiệp hội có thoả thuận khác:

1. Toàn bộ vốn rút từ Tài khoản Khoản tài trợ sẽ được Hiệp hội gửi vào một tài khoản do Bên tiếp nhận chỉ định và được Hiệp hội chấp nhận.

2. Bên tiếp nhận đảm bảo rằng số tiền chuyển từ Khoản tài trợ vào tài khoản tiền gửi này, tương đương số tiền hạch toán vào hệ thống quản lý ngân sách, với cách thức được Hiệp hội chấp thuận.

E. **Kiểm toán.** Theo yêu cầu của Hiệp hội, Bên tiếp nhận sẽ:

1. thực hiện kiểm toán độc lập tài khoản do các công ty kiểm toán độc lập được Hiệp hội chấp thuận, phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán được áp dụng nhất quán mà Hiệp hội chấp thuận.

2. cung cấp cho Hiệp hội ngay khi có thể, nhưng trong bất kỳ trường hợp nào không muộn hơn bốn tháng sau ngày Hiệp hội yêu cầu kiểm toán như vậy, một bản sao được xác nhận báo cáo kiểm toán đó, với phạm vi và chi tiết theo yêu cầu hợp lý của Hiệp hội; và

3. cung cấp cho Hiệp hội các thông tin khác liên quan đến tài khoản đó và báo cáo kiểm toán theo yêu cầu hợp lý của Hiệp hội.

F. **Các chi tiêu loại trừ.** Bên tiếp nhận cam kết rằng số tiền của Khoản tài trợ sẽ không được sử dụng để tài trợ cho các khoản Chi tiêu Loại trừ. Nếu Hiệp hội xác định tại bất kỳ thời điểm nào rằng số tiền của Khoản tài trợ đã được sử dụng để thanh toán cho một khoản Chi tiêu Loại trừ nào, Bên tiếp nhận sẽ, ngay khi nhận

được thông báo của Hiệp hội, hoàn trả cho Hiệp hội số tiền bằng với số tiền đã được sử dụng để thực hiện thanh toán đó. Số tiền đã được hoàn trả cho Hiệp hội theo yêu cầu như vậy sẽ bị huỷ.

G. **Ngày đóng Tài khoản.** Ngày đóng Tài khoản sẽ là ngày 31/8/2011.

PHỤ LỤC 2

Lịch trả nợ

Ngày Thanh toán nợ gốc	Tỷ lệ Trả nợ (tính theo tỷ lệ phần trăm)
Vào mỗi ngày 15/02 và 15/8 Bắt đầu từ ngày 15/8/2010 và tới ngày 15/2/2030	1,25%
Bắt đầu từ ngày 15/8/2030 tới ngày 15/2/2045	2,5%

*Tỷ lệ phần trăm nêu trên là tỷ lệ phần trăm nợ gốc Khoản tài trợ sẽ phải trả, trừ khi Hiệp hội có quy định khác đi theo Mục 3.03(b) của Văn bản các Điều kiện chung.

PHỤ ĐÍNH

Phần I. Các định nghĩa

1. "Thông tư" có nghĩa là quy định do bộ trưởng hoặc thủ trưởng cơ quan ngang bộ ký ban hành và văn bản đó có hiệu lực pháp lý theo qui định của hệ thống pháp lý Việt Nam.

2. "Quyết định" nghĩa là quy định do: (a) Thủ tướng Chính phủ của Bên tiếp nhận thay mặt chính phủ của Bên tiếp nhận ký ban hành và văn bản này có hiệu lực pháp lý theo qui định của hệ thống pháp lý Việt Nam; hoặc (b) bộ trưởng hoặc thủ trưởng cơ quan ngang bộ ký ban hành về một nội dung cụ thể thuộc thẩm quyền pháp lý của cơ quan đó và có hiệu lực pháp lý ràng buộc đối với cơ quan đó.

3. "Các Chi tiêu Loại trừ" có nghĩa là bất kỳ các chi tiêu nào:

   (a) cho hàng hoá hay dịch vụ được cung cấp theo một hợp đồng mà đã được bất kỳ một tổ chức tài chính trong nước hay quốc tế hoặc một tổ chức nào khác mà không phải là Hiệp hội hoặc Ngân hàng, tài trợ hoặc đồng ý tài trợ, hoặc theo hợp đồng mà Hiệp hội hoặc Hiệp hội đã tài trợ hoặc đồng ý tài trợ trong khuôn khổ một khoản tín dụng, khoản tài trợ, hoặc khoản viện trợ không hoàn lại khác;

   (b) cho hàng hoá thuộc các nhóm hoặc tiểu nhóm dưới đây thuộc Hệ thống Phân loại Thương mại Quốc tế chuẩn, Bản Sửa đổi lần 3 (SITC, Rev. 3) được Liên Hiệp Quốc xuất bản trong Báo cáo Thống kê, Sê-ri M, số 34/ sửa đổi lần 3 (1986) (SITC), hoặc bất kỳ một nhóm hay tiểu nhóm nào kế tục sau đó theo quy định sửa đổi trong tương lai về SITC như Hiệp hội quy định bằng thông báo cho Bên tiếp nhận :

Nhóm	Tiểu nhóm	Mô tả các hạng mục
112		Các đồ uống có cồn
121		Sợi thuốc lá chưa qua chế biến, các phế phẩm thuốc lá
122		Thuốc lá, đã qua chế biến (có chứa hoặc không chứa các nguyên liệu thay thế thuốc lá)
525		Chất phóng xạ và các chất có liên quan
667		Ngọc trai, các loại đá quí hiếm, đã chế tác hoặc ở dạng thô
718	718.7	Lò phản ứng hạt nhân, và các bộ phận của lò phản ứng hạt nhân; các chất nhiên liệu (lõi hạt nhân), không chứa phóng xạ, cho các lò phản ứng hạt

		nhân
728	728.43	Máy móc sản xuất thuốc lá
897	897.3	Đồ trang sức bằng vàng, bạc hoặc kim loại thuộc nhóm platin (trừ đồng hồ và vỏ đồng hồ) và đồ vàng bạc chế tác (kể cả các bộ trang sức)
971		Vàng, không mang tính chất tiền tệ (trừ quặng vàng và quặng vàng cô đặc)

(c) cho các hàng hóa dùng cho mục đích quân sự hoặc bán quân sự hoặc các đồ tiêu dùng xa xỉ;

(d) cho các hàng hoá nguy hại cho môi trường, sản xuất, sử dụng hoặc nhập khẩu các hàng hoá đó bị cấm theo pháp luật của Bên tiếp nhận hoặc theo các hiệp ước quốc tế mà Bên tiếp nhận là một bên tham gia;

(e) tài khoản của các chi tiêu bị cấm bởi quyết định của Hội đồng Bảo an Liên Hiệp quốc thực hiện theo Chương VII của Hiến chương Liên Hiệp quốc; và

(f) các chi tiêu theo hợp đồng mà trong đó Hiệp hội xác định rằng các đại diện của Bên tiếp nhận hoặc của người hưởng lợi Khoản tài trợ đã có những hành vi tham nhũng hay gian lận lừa đảo, thông đồng, hoặc cưỡng ép trong mua sắm hoặc trong quá trình thực hiện hợp đồng đó, mà Bên tiếp nhận không tiến hành các hành động kịp thời và thích hợp thoả mãn với yêu cầu của Hiệp hội để giải quyết tình hình.

4. "Văn bản các Điều kiện Chung" nghĩa là "Văn bản các Điều kiện chung của Hiệp hội Tái thiết và Phát triển Quốc tế áp dụng cho các Khoản tài trợ" đề ngày 1/7/2005 (chỉnh sửa tới ngày 15/10/2006) với những những chỉnh sửa được quy định trong Phần II của Phụ đính này.

5. "Hiệp định Vay" nghĩa là hiệp định vay ký giữa Bên tiếp nhận và Ngân hàng nhằm cung cấp khoản vay hỗ trợ Chương trình, hiệp định này có thể được sửa đổi theo thời gian. "Hiệp định vay bao gồm tất cả các Phụ đính, Phụ lục và các thoả thuận bổ sung cho hiệp định đó.

6. "MOIT" nghĩa là Bộ Công Thương của Bên tiếp nhận hoặc bất kỳ cơ quan nào kế tục sau này.

7. "MOST" nghĩa là Bộ Khoa học và Công nghệ của Bên tiếp nhận hoặc bất kỳ cơ quan nào kế tục sau này.

8. "Thông báo" nghĩa là có nghĩa là văn bản hành chính do Văn phòng Chính phủ (như định nghĩa dưới đây) ban hành và có hiệu lực pháp lý theo qui định của hệ thống pháp lý Việt Nam.

9. "OOG" nghĩa là Văn phòng Chính phủ của Bên tiếp nhận hoặc bất kỳ cơ quan

nào kế tục sau này.

10. "Thủ tướng Chính phủ" là người đứng đầu Chính phủ của Bên tiếp nhận hoặc người kế nhiệm sau đó.

11. "Chương trình" có nghĩa là chương trình các hành động, mục tiêu và chính sách được thiết kế để hỗ trợ phát triển thị trường điện năng cạnh tranh, cơ cấu lại ngành điện, cải cách khung giá điện, và nâng cao hiệu quả tiêu thụ điện năng và quy định hoặc đề cập tới trong thư đề ngày 01/3/2010 của Bên tiếp nhận gửi Hiệp hội tuyên bố cam kết của Bên tiếp nhận đối với việc thực hiện Chương trình, và yêu cầu Hiệp hội hỗ trợ trong thời gian thực hiện Chương trình.

12. "Giải ngân Một đợt" có nghĩa là số tiền của khoản tài trợ được phân bổ cho hạng mục có tên là "Giải ngân một đợt" trong bảng tại Phần II.B của Phụ lục 1 của Hiệp định này.

13. "VCGM" nghĩa là Thị trường phát điện cạnh tranh ở Việt Nam, thị trường phát điện của Bên tiếp nhận được thiết lập và hoạt động theo Quyết định số 6713/QĐ-BCT ngày 31/12/2009 của Bên tiếp nhận..

14. "Đồng Việt Nam" nghĩa là đồng tiền chính thức của Bên tiếp nhận .

Phần II. Sửa đổi Văn bản Các điều Kiện chung

Những sửa đổi về "Văn bản các Điều kiện chung của Hiệp hội về Khoản tài trợ và Viện trợ không hoàn lại" ngày 1/6/2005 (sửa đổi ngày 15/10/2006) như sau:

1. Toàn bộ câu cuối cùng của đoạn (a) của Phần 2.03 (liên quan đến các Đơn xin rút vốn) được bỏ đi.

2. Toàn bộ Mục 2.04 *(Các Tài khoản chỉ định)* và 2.05 *(Các chi tiêu hợp lệ)* được bỏ đi, và các Phần còn lại trong Điều II được đánh số lại tương ứng.

3. Mục 2.05 (đã được đánh số lại theo như đoạn 2 ở trên) được sửa lại để đọc như sau:

"Mục 2.05. *Cấp Tạm ứng chuẩn bị.*

Nếu Hiệp định tài trợ có qui định hoàn trả tạm ứng từ số tiền của Khoản tài trợ mà Hiệp hội hay Ngân hàng đã tạm ứng trước ("Tạm ứng Chuẩn bị"), Hiệp hội sẽ thay mặt cho Bên tiếp nhận rút tiền từ Tài khoản Khoản tài trợ vào hoặc sau ngày số tiền cần thiết để hoàn trả số dư nợ đã rút và chưa rút của khoản tạm ứng tính đến ngày thực hiện rút vốn như vậy từ Tài khoản Khoản tài trợ để trả cho tất cả các loại phí cộng dồn và chưa trả của khoản tạm ứng tính đến ngày đó. Hiệp hội sẽ tự trả mình hoặc cho Ngân hàng, số tiền đã rút như vậy và trong trường hợp cần thiết Hiệp hội sẽ huỷ toàn bộ số dư chưa rút của khoản tạm ứng đó."

4. Toàn bộ Mục 4.01 *(Thực hiện Dự án chung)* và 4.09 *(Quản lý Tài chính; các Báo*

cáo Tài chính; Kiểm toán) được bỏ đi, và các Mục còn lại trong Điều IV được đánh số lại tương ứng.

5. Toàn bộ đoạn (a) của Mục 4.05 (đã được đánh số lại theo như đoạn 4 ở trên và liên quan tới việc *Sử dụng các hàng hoá, công trình, dịch vụ)* được bỏ đi.

6. Đoạn (c) của Mục 4.06 (đã được đánh số lại theo như đoạn 4 ở trên) được sửa đổi để đọc như sau:

"Mục 4.06. *Các Kế hoạch, Các chứng từ, Hồ sơ*

... (c) Bên tiếp nhận phải lưu giữ tất cả các hồ sơ (hợp đồng, lệnh chi, hoá đơn, chứng từ, phiếu thu và các chứng từ khác) làm bằng chứng cho các chi tiêu trong khuôn khổ Khoản tài trợ trong thời gian 2 năm sau ngày đóng tài khoản. Bên tiếp nhận phải tạo điều kiện để đại diện của Hiệp hội kiểm tra các hồ sơ đó".

7. Đoạn (c) của Mục 4.07 (đã được đánh số lại theo đoạn 4 ở trên) được sửa đổi để đọc như sau:

Mục 4.07. *Giám sát và Đánh giá Chương trình*

..... (c) Bên tiếp nhận phải chuẩn bị hoặc buộc phải chuẩn bị và gửi cho Hiệp hội không muộn hơn 6 tháng sau ngày đóng tài khoản một báo cáo, với phạm vi và các chi tiết được Hiệp hội yêu cầu hợp lý, về việc thực hiện Chương trình, việc thực hiện của Bên tiếp nhận và Hiệp hội đối với những nghĩa vụ tương ứng của mình theo các Thoả thuận Pháp lý và việc hoàn tất các mục đích của Khoản tài trợ.

8. Các thuật ngữ và các định nghĩa được quy định trong Phụ đính đã sửa đổi hoặc xoá bỏ như sau, và các thuật ngữ và các định nghĩa mới được bổ sung theo trật tự bảng chữ cái vào Phụ đính như sau, với các thuật ngữ được đánh số thứ tự lại tương ứng:

(a) Định nghĩa thuật ngữ "Các chi tiêu hợp lệ" được sửa đổi để đọc như sau:

"Chi tiêu hợp lệ" nghĩa là bất kỳ việc sử dụng vốn nào mà Khoản tài trợ này sử dụng để hỗ trợ cho Chương trình, không phải là trả cho những chi tiêu bị loại trừ theo Hiệp định tài trợ".

(b) Xoá bỏ toàn bộ thuật ngữ "Báo cáo Tài chính" và định nghĩa về thuật ngữ này trong Phần Phụ đính.

(c) Thuật ngữ "Dự án" được sửa đổi thành "Chương trình" và định nghĩa về thuật ngữ này được sửa đổi như sau:

"Chương trình" có nghĩa là chương trình được đề cập trong Hiệp định tài trợ thông qua đó mà Khoản tài trợ cung cấp.". Tất cả các tham chiếu đến "Dự án" trong Các Điều kiện Chung sẽ được coi như là tham chiếu đến "Chương trình".:

(d) Thuật ngữ "Tạm ứng chuẩn bị Chương trình" được sửa lại thành "Tạm ứng chuẩn bị" (như nêu trong đoạn 8(c) ở phần trên) và được định nghĩa lại như sau:

"Tạm ứng chuẩn bị" có nghĩa là khoản tạm ứng được đề cập trong Hiệp định Khoản tài trợ và thanh toán hoàn trả theo quy định tại Mục 2.05./.

CREDIT NUMBER 4711-VN

Financing Agreement

(First Power Sector Reform Development Policy Operation)

between

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

and

INTERNATIONAL DEVELOPMENT ASSOCIATION

Dated May 25th, 2010

FINANCING AGREEMENT

AGREEMENT dated May 25th, 2010, entered into between SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM ("Recipient") and INTERNATIONAL DEVELOPMENT ASSOCIATION ("Association") for the purpose of providing financing in support of the Program (as defined in the Appendix to this Agreement). The Association has decided to provide this financing on the basis, inter alia, of (a) the actions which the Recipient has already taken under the Program and which are described in Section I of Schedule 1 to this Agreement, and (b) the Recipient's maintenance of an appropriate macroeconomic policy framework. The Recipient and the Association therefore hereby agree as follows:

ARTICLE I — GENERAL CONDITIONS; DEFINITIONS

1.01. The General Conditions (as defined in the Appendix to this Agreement) constitute an integral part of this Agreement.

1.02. Unless the context requires otherwise, the capitalized terms used in this Agreement have the meanings ascribed to them in the General Conditions or in the Appendix to this Agreement.

ARTICLE II — FINANCING

2.01. The Association agrees to extend to the Recipient, on the terms and conditions set forth or referred to in this Agreement, a credit in an amount equivalent to seventy three million Special Drawing Rights (SDR 73,000,000) (variously, "Credit" and "Financing").

2.02. The Recipient may withdraw the proceeds of the Financing in support of the Program in accordance with Section II of Schedule 1 to this Agreement.

2.03. The Maximum Commitment Charge Rate payable by the Recipient on the Un-withdrawn Financing Balance shall be one-half of one percent (1/2 of 1%) per annum.

2.04. The Service Charge payable by the Recipient on the Withdrawn Credit Balance shall be equal to three-fourths of one percent (3/4 of 1%) per annum.

2.05. The Recipient shall pay interest on the Withdrawn Credit Balance at the rate of 3.52% per annum. The interest shall accrue from the respective dates on which amounts of the Credit are withdrawn and shall be payable semi-annually in arrears. The interest shall be computed on the basis of a 360-day year of twelve (12) 30-day months.

2.06. The Payment Dates are February 15 and August 15 in each year.

2.07. The principal amount of the Credit shall be repaid in accordance with repayment schedule set forth in Schedule 2 to this Agreement.

2.08. The Payment Currency is the Dollar.

ARTICLE III — PROGRAM

3.01. The Recipient declares its commitment to the Program and its implementation. To this end:

(a) the Recipient and the Association shall from time to time, at the request of either party, exchange views on the Recipient's macroeconomic policy framework and the progress achieved in carrying out the Program;

(b) prior to each such exchange of views, the Recipient shall furnish to the Association for its review and comment a report on the progress achieved in carrying out the Program, in such detail as the Association shall reasonably request; and

(c) without limitation upon the provisions of paragraphs (a) and (b) of this Section, the Recipient shall promptly inform the Association of any situation that would have the effect of materially reversing the objectives of the Program or any action taken under the Program, including any action specified in Section I of Schedule 1 to this Agreement.

ARTICLE IV — REMEDIES OF THE ASSOCIATION

4.01. The Additional Event of Suspension consist of the following, namely, that a situation has arisen which shall make it improbable that the Program, or a significant part of it, will be carried out.

ARTICLE V — EFFECTIVENESS; TERMINATION

5.01. The Additional Conditions of Effectiveness consist of the following:

(a) The Association is satisfied with the progress achieved by the Recipient in carrying out the Program and with the adequacy of the Recipient's macroeconomic policy framework.

(b) The Loan Agreement has been executed and delivered and all conditions precedent to its effectiveness or to the right of the Recipient to make

withdrawals under it (other than the effectiveness of this Agreement) have been fulfilled.

5.02. The Effectiveness Deadline is the date ninety (90) days after the date of this Agreement.

ARTICLE VI — REPRESENTATIVE; ADDRESSES

6.01. The Recipient's Representative is the Governor, or a Deputy Governor, of the State Bank of Vietnam.

6.02. The Recipient's Address is:

State Bank of Vietnam
49 Lý Thái Tổ
Hà Nội
Socialist Republic of Vietnam

Cable:	Telex:	Facsimile:
VIETBANK Hanoi	412248 NHTWVT	(84-4) 3825-0612

6.03. The Association's Address is:

International Development Association
1818 H Street, N.W.
Washington, D.C. 20433
United States of America

Cable:	Telex:	Facsimile:
INDEVAS Washington, D.C.	248423 (MCI)	(1-202) 477-6391

AGREED at Hanoi, Socialist Republic of Vietnam, as of the day and year first above written.

SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

By

Authorized Representative

INTERNATIONAL DEVELOPMENT ASSOCIATION

By

Authorized Representative

SCHEDULE 1

Program Actions; Availability of Financing Proceeds

Section I. Actions Under the Program

Actions Taken Under the Program. The actions taken by the Recipient under the Program include the following:

Power Market Development

1. The Recipient has, through the MOIT, issued a Decision (No. 6713-QD-BCT dated December 31, 2009) establishing design principles for the implementation of the VCGM.

2. The Recipient has, through the MOIT, issued a Circular (No. 27/2009/TT-BCT dated September 25, 2009) establishing metering systems standards and procedures for generation plants participating in the VCGM.

Power Sector Restructuring

3. The Recipient has, through the OOG, issued a Notice (No. 232/TB-VPCP dated July 31, 2009) establishing a sector structure to allow for the introduction of the VCGM.

Electricity Tariff Reform

4. The Recipient has, through the Prime Minister, issued a Decision (No. 21/2009/QD-TTg dated February 12, 2009): (a) increasing the average tariff in 2009 to Vietnamese Dong 948 / kWh; and (b) implementing transparent annual tariff-setting from 2010-12 based on cost recovery principles, including the unbundling of the average retail tariff into power supply cost components and the delegation of tariff changes of less than five percent (5%) to the MOIT.

5. The Recipient has, through the Prime Minister, issued a Decision (No. 21/2009/QD-TTg dated February 12, 2009) restructuring the residential block tariff system to establish the principle of the subsidy to the consumer as a percentage of production cost and extend the subsidy mechanism and residential tariff structure to local distribution utilities.

Demand-Side Energy Efficiency Improvement

6. The Recipient has, through the MOST, issued Decisions (No. 2740/QD-BKHCN dated December 9, 2008 and No. 632/QD-BKHCN dated April 20, 2009)

establishing energy efficiency standards for consumer goods accounting for large quantities of electricity consumption.

7. The Recipient has, through the MOIT, issued a Circular (No. 05/2009/TT-BCT dated February 26, 2009) introducing time-of-use tariffs for industrial zones and commercial, industrial, and irrigation consumer categories.

Section II. Availability of Financing Proceeds

A. **General.** The Recipient may withdraw the proceeds of the Financing in accordance with the provisions of this Section and such additional instructions as the Association may specify by notice to the Recipient.

B. **Allocation of Financing Amounts.** The Financing is allocated in a single tranche, from which the Recipient may make withdrawals of the Financing. The allocation of the amounts of the Financing to this end is set out in the table below:

Allocations	Amount of the Financing Allocated (expressed in SDR)
Single Withdrawal Tranche	73,000,000
TOTAL AMOUNT	73,000,000

C. **Withdrawal Tranche Release Conditions.**

No withdrawal shall be made of the Single Withdrawal Tranche unless the Association is satisfied: (a) with the Program being carried out by the Recipient; and (b) with the appropriateness of the Recipient's macroeconomic policy framework.

D. **Deposits of Financing Amounts.** Except as the Association may otherwise agree:

1. all withdrawals from the Financing Account shall be deposited by the Association into an account designated by the Recipient and acceptable to the Association; and

2. the Recipient shall ensure that upon each deposit of an amount of the Financing into this account, an equivalent amount is accounted for in the Recipient's budget management system, in a manner acceptable to the Association.

E. **Audit.** Upon the Association's request, the Recipient shall:

1. have such account audited by independent auditors acceptable to the Association, in accordance with consistently applied auditing standards acceptable to the Association;

2. furnish to the Association as soon as available, but in any case not later than four (4) months after the date of the Association's request for such audit, a certified copy of the report of such audit, of such scope and in such detail as the Association shall reasonably request; and

3. furnish to the Association such other information concerning such account and its audit as the Association shall reasonably request.

F. **Excluded Expenditures.** The Recipient undertakes that the proceeds of the Financing shall not be used to finance Excluded Expenditures. If the Association determines at any time that an amount of the Financing was used to make a payment for an Excluded Expenditure, the Recipient shall, promptly upon notice from the Association, refund an amount equal to the amount of such payment to the Association. Amounts refunded to the Association upon such request shall be cancelled.

G. **Closing Date.** The Closing Date is August 31, 2011.

SCHEDULE 2

Repayment Schedule

Date Payment Due	Principal Amount of the Credit repayable (expressed as a percentage)*
On each February 15 and August 15:	
commencing August 15, 2020 to and including February 15, 2030	1.25
commencing August 15, 2030 to and including February 15, 2045	2.5

* The percentages represent the percentage of the principal amount of the Credit to be repaid, except as the Association may otherwise specify pursuant to Section 3.03(b) of the General Conditions.

APPENDIX

Section I. Definitions

1. "Circular" means a regulation issued by a minister or the head of a ministerial-level government agency and which is enforceable under the Recipient's legal system.

2. "Decision" means a regulation issued by: (a) the Prime Minister and which is enforceable under the Recipient's legal system; or (b) a minister or the head of a ministerial-level government agency on a specific issue under the legal mandate of the relevant ministry or agency and which is legally binding upon such ministry or agency.

3. "Excluded Expenditure" means any expenditure:

(a) for goods or services supplied under a contract which any national or international financing institution or agency other than the Association or the Bank has financed or agreed to finance, or which the Association or the Bank has financed or agreed to finance under another credit, grant or loan;

(b) for goods included in the following groups or sub-groups of the Standard International Trade Classification, Revision 3 (SITC, Rev.3), published by the United Nations in Statistical Papers, Series M, No. 34/Rev.3 (1986) (the SITC), or any successor groups or subgroups under future revisions to the SITC, as designated by the Association by notice to the Recipient:

Group	Sub-group	Description of Item
112		Alcoholic beverages
121		Tobacco, un-manufactured, tobacco refuse
122		Tobacco, manufactured (whether or not containing tobacco substitutes)
525		Radioactive and associated materials
667		Pearls, precious and semiprecious stones, un-worked or worked
718	718.7	Nuclear reactors, and parts thereof; fuel elements

		(cartridges), non-irradiated, for nuclear reactors
728	728.43	Tobacco processing machinery
897	897.3	Jewelry of gold, silver or platinum group metals (except watches and watch cases) and goldsmiths' or silversmiths' wares (including set gems)
971		Gold, non-monetary (excluding gold ores and concentrates)

(c) for goods intended for a military or paramilitary purpose or for luxury consumption;

(d) for environmentally hazardous goods, the manufacture, use or import of which is prohibited under the laws of the Recipient or international agreements to which the Recipient is a party;

(e) on account of any payment prohibited by a decision of the United Nations Security Council taken under Chapter VII of the Charter of the United Nations; and

(f) with respect to which the Association determines that corrupt, fraudulent, collusive or coercive practices were engaged in by representatives of the Recipient or other recipient of the Financing proceeds, without the Recipient (or other such recipient) having taken timely and appropriate action satisfactory to the Association to address such practices when they occur.

4. "General Conditions" means the "International Development Association General Conditions for Credits and Grants", dated July 1, 2005 (as amended through October 15, 2006) with the modifications set forth in Section II of this Appendix.

5. "Loan Agreement" means the loan agreement between the Recipient and the Bank providing for a loan in support of the Program, as such agreement may be amended from time to time. "Loan Agreement" includes all appendices, schedules, and agreements supplemental to such agreement.

6. "MOIT" means the Recipient's Ministry of Industry and Trade or any successor thereto.

7. "MOST" means the Recipient's Ministry of Science and Technology or any successor thereto.

8. "Notice" means an operational document issued by the OOG (as hereinafter defined) providing instructions to the Recipient's ministries and agencies and which is enforceable under the Recipient's legal system.

9. "OOG" means the Recipient's Office of Government or any successor thereto.

10. "Prime Minister" means the Recipient's head of government or any successor thereto.

11. "Program" means the program of actions, objectives, and policies designed to support the development of a competitive power market, the restructuring of the power sector, the reform of electricity tariffs, and the improvement of demand-side energy efficiency, and set forth or referred to in the letter dated March 1, 2010 from the Recipient to the Association declaring the Recipient's commitment to the execution of the Program, and requesting assistance from the Association in support of the Program during its execution.

12. "Single Withdrawal Tranche" means the amount of the Financing allocated to the category entitled "Single Withdrawal Tranche" in the table set forth in Section II.B of Schedule 1 to this Agreement.

13. "VCGM" means the Vietnam Competitive Generation Market, the Recipient's electricity generation market established and operating pursuant to the Recipient's Decision No. 6713/QD-BCT dated December 31, 2009.

14. "Vietnamese Dong" means the official currency of the Recipient.

Section II. Modifications to the General Conditions

The modifications to the "International Development Association General Conditions for Credits and Grants", dated July 1, 2005 (as amended through October 15, 2006) are as follows:

1. The last sentence of paragraph (a) of Section 2.03 (relating to Applications for Withdrawal) is deleted in its entirety.

2. Sections 2.04 (*Designated Accounts)* and 2.05 (*Eligible Expenditures*) are deleted in their entirety, and the remaining Sections in Article II are renumbered accordingly.

3. Section 2.05 (renumbered as such pursuant to paragraph 2 above) is modified to read as follows:

"Section 2.05. *Refinancing Preparation Advance*

If the Financing Agreement provides for the repayment out of the proceeds of the Financing of an advance made by the Association or the Bank ("Preparation Advance"), the Association shall, on behalf of the Recipient, withdraw from the Financing Account on or after the Effective Date the amount required to repay the withdrawn and outstanding balance of the advance as at the date of such withdrawal from the Financing Account and to pay all accrued and unpaid charges, if any, on the advance as at such date. The Association shall pay the amount so withdrawn to itself or the Bank, as the case may be, and shall cancel the remaining un-withdrawn amount of the advance."

4. Sections 4.01 (*Project Execution Generally*), and 4.09 (*Financial Management; Financial Statements; Audits*) are deleted in their entirety, and the remaining Sections in Article IV are renumbered accordingly.

5. Paragraph (a) of Section 4.05 (renumbered as such pursuant to paragraph 3 above and relating to *Use of Goods, Works and Services*) is deleted in its entirety.

6. Paragraph (c) of Section 4.06 (renumbered as such pursuant to paragraph 3 above) is modified to read as follows:

"Section 4.06. *Plans; Documents; Records*

... (c) The Recipient shall retain all records (contracts, orders, invoices, bills, receipts and other documents) evidencing expenditures under the Financing until two years after the Closing Date. The Recipient shall enable the Association's representatives to examine such records."

7. Section 4.07 (renumbered as such pursuant to paragraph 3 above) is modified to read as follows:

"Section 4.07. *Program Monitoring and Evaluation*

... (c) The Recipient shall prepare, or cause to be prepared, and furnish to the Association not later than six months after the Closing Date, a report of such scope and in such detail as the Association shall reasonably request, on the execution of the Program, the performance by the Recipient and the Association of their respective obligations under the Legal Agreements and the accomplishment of the purposes of the Financing."

8. The following terms and definitions set forth in the Appendix are modified or deleted as follows, and the following new terms and definitions are added in alphabetical order to the Appendix as follows, with the terms being renumbered accordingly:

(a) The definition of the term "Eligible Expenditure" is modified to read as follows:

"'Eligible Expenditure' means any use to which the Financing is put in support of the Program, other than to finance expenditures excluded pursuant to the Financing Agreement."

(b) The term "Financial Statements" and its definition as set forth in the Appendix are deleted in their entirety.

(c) The term "Project" is modified to read "Program" and its definition is modified to read as follows:

"'Program' means the program referred to in the Financing Agreement in support of which the Financing is made." All references to "Project" throughout these General Conditions are deemed to be references to "Program".

(d) The term "Program Preparation Advance" (renamed as such pursuant to subparagraph 8 (c) above) is modified to read "Preparation Advance" and its definition is modified to read as follows:

"'Preparation Advance' means the advance referred to in the Financing Agreement and repayable in accordance with Section 2.05."